

Tên:

Nghe:

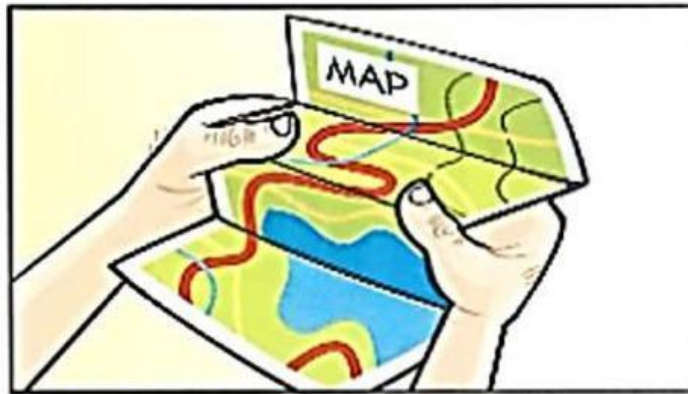
Lớp: S3...

Ngày làm bài: Thứ ..., ngày .../....



GLOBAL ENGLISH 3
Unit 1: Working together - Vocabulary 1 & Movers Listening

❖ **Mẹo: Phân tích hình ảnh (Picture Analysis)**



1. Nhìn kỹ bức tranh:

- Nhìn toàn bộ bức tranh trước. Chuyện gì đang xảy ra?

→ Someone is looking at a map.

2. Tìm chi tiết chính:

- **Người:** Ai đang có mặt trong bức tranh? – a person
- **Hành động:** Họ đang làm gì? – holding, looking, reading
- **Đồ vật:** Em thấy những vật gì? – a map, hands, red line, blue lake
- **Địa điểm:** Họ đang ở đâu? – not clear – maybe outside or on a trip
- **Thời tiết / Thời gian:** – not shown clearly – but looks like daytime

3. Tìm dấu hiệu:

- Nhìn vào màu sắc, hình vẽ, chữ trên đồ vật để hiểu thêm câu chuyện.

→ It's a travel or direction map.

4. Sử dụng các từ tiếng Anh em đã biết:

- Hãy nói hoặc viết những gì em thấy bằng các từ và câu đơn giản.

→ hands, map, hold, read: The person is holding a map.

❖ **Extra vocabulary**

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	milkshake (n)	sữa lắc	3	fantastic (adj)	tuyệt vời, rất tuyệt
2	flat (n)	căn hộ			

***Note:** n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ.

*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 ĐỒNG** vào vở ghi

CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

Các con nghe bài ở link này: https://soundcloud.com/ms-chi-english/movers-2_test-1_part-3

Part 3 – 5 questions –

What does Jim's grandpa enjoy doing in these places?

Listen and write a letter in each box. There is one example.



library

E



park



station



sports centre



cinema



shopping centre



A



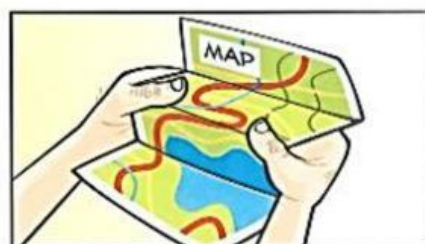
B



C



D



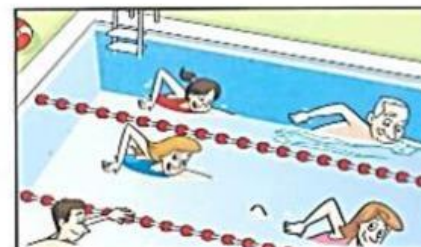
E



F



G



H

Tên:

Từ vựng:

Lớp: S3...

Nghe:

Ngày giao bài: Thứ, ngày...../.....

Ngày nộp bài: Thứ, ngày...../.....



GLOBAL ENGLISH 3

Unit 1: Working together - Vocabulary 1 & Movers Listening

A. VOCABULARY

❖ Ways of moving

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	slowly (adv)	chậm rãi	4	turn (v)	quay, xoay, rẽ
2	quickly (adv)	nhanh chóng	5	dance (v)	nhảy múa
3	twist (v)	xoay/vặn người, uốn (người)	6	forward (adv)	về phía trước

❖ Tools

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	stair (n)	bậc thang	3	pole (n)	cái cột, cái sào
2	ladder (n)	cái thang	4	rope (n)	sợi dây thừng

❖ Extra vocabulary

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	feed (v)	cho ăn, nuôi	3	countryside (n)	nông thôn, vùng quê
2	thirsty (adj)	khát nước			

**Note: n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ; v = verb: động từ; adv = adverb: trạng từ.*

**Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 ĐỒNG vào vở ghi.*

B. HOMEWORK

I. Match the definitions with the suitable words. (Nối định nghĩa với từ phù hợp.)

0. a thing with steps used for climbing up or down	A. dance
1. a long, straight stick (usually wood or metal)	B. stair
2. a step to go up or down	C. twist
3. to bend your body in a different direction	D. pole
4. to move your body with music	E. quickly
5. in a fast way	F. ladder

Your answer:

0 - <u>F</u>	1 - ____	2 - ____	3 - ____	4 - ____	5 - ____
--------------	----------	----------	----------	----------	----------

II. Fill in the blanks with the correct words in the box. One word will not be used.
(Điền các từ trong bảng vào chỗ trống. Một từ sẽ không được sử dụng.)

dance	rope	forward
twist	turn	pole

0. The girl learns how to <u>dance</u> in music class. 	3. _____ your body slowly. 
1. Can you put this _____ around the box, please? 	4. _____ left at the corner. 
2. He puts the flag on a tall _____. 	5. The dog runs _____ very quickly. 

III. Choose the word/phrase that is CLOSEST in meaning to the underlined word in each of the following sentences. (Chọn từ/cụm từ có nghĩa GẦN NHẤT với từ được gạch chân trong mỗi câu sau.)

0. Be careful when you walk up the stairs.

☒ A. steps

B. chairs

C. floors

1. We used a ladder to get the ball from the roof.

A. box

B. climbing tool

C. table

2. The turtle moves very slowly.

A. fast

B. not quickly

C. loudly

3. Please run quickly or you will miss the bus!

A. fast

B. early

C. slowly

4. She used a long pole to get the ball down from the tree.

A. ladder

B. flag

C. long stick

5. You need to turn left at the corner to reach the supermarket.

A. stop

B. go left

C. go right

CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

Các con nghe bài ở link sau:

https://soundcloud.com/ms-chi-english/movers-2_test-2_part-3

Part 3

– 5 questions –

What did Jack and Jane do in these places?

Listen and write a letter in each box. There is one example.



market

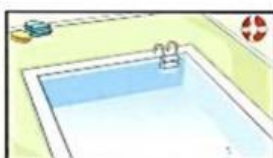
C



circus



farm



swimming pool



forest



city centre



A



B



C



D



E



F



G



H

SELF-REFLECTION

1. How much do you understand the lesson?



2. How do you feel after the lesson?



Mọi ý kiến đóng góp của phụ huynh sẽ là động lực để StarLink nâng cao chất lượng đào tạo.
Mời bố mẹ quét mã ở đây để thực hiện khảo sát ạ!

